|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN LÂM HÀ  **TRƯỜNG TH TÂN THANH 1**  Số: /BC-TT1 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tân Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2024* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Tân Thanh 1

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** thôn Đông Thanh, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Số điện thoại: 0978 545 929

- Địa chỉ thư điện tử: [c1tanthanh1.lamha@lamdong.edu.vn](mailto:c1tanthanh1.lamha@lamdong.edu.vn)

- Cổng thông tin điện tử: http://thtanthanh1lamha.lamdongtructuyen.vn/

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** Công lập

**4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu**

**4.1. Sứ mệnh**

Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

**4.2. Tầm nhìn**

Trở thành trường có chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công.

**4.3. Mục tiêu**

1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ giáo dục năm 2024 bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.

2.Thực hiện bảo đảm chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) đối với lớp 5; tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục địa phương; chủ động, linh hoạt triển khai nội dung giáo dục STEM.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí; thực hiện bồi dưỡng giáo viên đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo Chương trình GDPT; chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 trong năm học 2024 – 2025. Thực hiện chương trình giáo dục 2018 từ lớp 1-lớp 5 năm học 2024-2025 đạt hiệu quả; khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ VC, NLĐ tham gia học tập nâng cao trình độ đào tạo.

4. Tiếp tục tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí làm sân khu vui chơi, mái che sân khấu, nhà đa năng; tiếp nhận, quản lí, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được giao.

5. Chú trọng đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Duy trì và thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục theo quy định.

6. Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% số lớp, số học sinh học; tổ chức một số môn học/HĐGD sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu của học sinh (cha mẹ học sinh); tổ chức các tiết học kỹ năng sống, góp phần phòng, chống đuối nước; thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học, phòng chống tai nạn, thương tích, ngộ độc thực phẩm, các tệ nạn khác cho học sinh.

7. Tham gia và thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua do ngành, địa phương phát động; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

8. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; đăng ký đánh giá ngoài theo kế hoạch của Phòng GD&ĐT Lâm Hà.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường Tiểu học Tân Thanh 1 được thành lập theo Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà, trên cơ sở giải thể Trường Tiểu học Tân Thanh 3 và sáp nhập vào Trường Tiểu học Tân Thanh 1; gồm 01 điểm trường chính và 02 điểm trường lẻ.

Trường được xây dựng trên diện tích đất 12 650m2 tại địa bàn thôn Đông Thanh, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà. Nhà trường chịu trách nhiệm huy động học sinh trên địa bàn các thôn: Đoàn Kết, Tân An, Hòa Bình, Đông Thanh, Phi Tô, Thanh Bình.

Từ khi thành lập, nhà trường luôn ổn định với quy mô trường hạng I, số lớp dao động từ 19 đến 20 lớp; có từ 540 đến 560 học sinh; cơ cấu bộ máy quản lý và viên chức đảm bảo theo quy định. Nhà trường được giao tổng số biên chế là 35 người, nhà trường thực hiện là 35 người; trong đó, cán bộ quản lý: 02; giáo viên: 28 (tỉ lệ: 1,47 giáo viên/lớp); Tổng phụ trách Đội: 1; nhân viên: 04 (tính cả 01 bảo vệ); 100% giáo viên có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên; trong đó, giáo viên có trình độ đào tạo đại học 29/29, tỉ lệ 100% (tính cả giáo viên làm Tổng phụ trách Đội).

Quá trình xây dựng và phát triển, tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết, nhất trí, nỗ lực trong công tác; các thế hệ phụ huynh học sinh ủng hộ, nhà trường đã đạt được một số thành tích đáng khích lệ. Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2022 - 2023, nhà trường luôn được công nhận Tập thể Lao động tiên tiến; năm 2023-2024 nhà trường xếp loại khá trong đó. Tháng 5 năm 2021, nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 24/5/2021.

Số lượng phòng học đảm bảo đủ 1 lớp/1 phòng học, đáp ứng việc tổ chức cho 100% số lớp, số học sinh được học 2 buổi/ngày.

Nhìn chung, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng được trang bị cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học, làm việc và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Nam

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: thôn Đông Thanh, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Số điện thoại: 0978 545 929

- Địa chỉ thư điện tử: [c1tanthanh1.lamha@lamdong.edu.vn](mailto:c1tanthanh1.lamha@lamdong.edu.vn)

**7. Tổ chức bộ máy**

**7.1. Quyết định thành lập**

Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 29 tháng 07 năm của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà.

**7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường**

Quyết định số 5371/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà về việc thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học Tân Thanh 1 nhiệm kỳ 2021 - 2026

- Chủ tịch Hội đồng trường: Ông Nguyễn Ngọc Nam

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

Bà Lô Thị Hồng – CTCĐ- Thành viên;

Bà Lê Thị Thu- Công chức xã Tân Thanh- Thành viên

Bà Nguyễn Thị Phương- Bí thư chi đoàn- Thành viên

Bà Nguyễn Thị Minh Tâm- Tổ trưởng tổ 1– Thành viên;

Bà Phan Thị Phương- Tổ trưởng tổ 2-3- Thành viên

Bà Đoàn Thị Mến- Tổ trưởng tổ 4- Thành viên

Bà Phạm Thị Thu Hiền- Tổ trưởng tổ 5- Thành viên

Bà Đinh Thị Hợi – Trưởng ban ĐDCMHS- Thành viên

Bà Đàm Thị Duyệt – Tổ trưởng văn phòng- Thư ký

**7.3. Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

- Quyết định số: 3138/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của UBND huyện Lâm Hà về việc bổ nhiệm lại hiệu trưởng Trường Tiểu học Tân Thanh 1.

- Quyết định số: 3132/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của UBND huyện Lâm Hà V/v bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Tân Thanh 1.

**7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường**

**7.4.1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường**

Nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học; đảm nhiệm công tác giáo dục tại địa phương.

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông; quản lí đội ngũ VC, NLĐ; tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lí học sinh theo qui định; huy động, quản lí, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục, phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Quản lí, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo qui định của Nhà nước, tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội, tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo qui định của pháp luật.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Lâm Hà; thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBND huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Tân Thanh theo quy định tại Nghị định số: 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; đồng thời, thực hiện các quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

**7.4.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường**

**-** Hội đồng trường (đã thể hiện trong mục 7.2)

**-** Hiệu trưởng: Nguyễn Ngọc Nam trình độ đào tạo: Thạc sĩ Quản lý giáo dục

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hương, trình độ đào tạo: Đại học

**-** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 14 đảng viên, tỉ lệ: 41,1%; Chi bộ thực hiện Nghị quyết Đại hội chi bộ lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022 – 2025.

- Tổ chức Công đoàn gồm 34 công đoàn viên; thực hiện nhiệm vụ được thông qua tại Đại hội công đoàn cơ sở ngày 24/2/2023.

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 12 đoàn viên; thực hiện chương trình hành động công tác Đoàn được thông qua tại Đại hội nhiệm kỳ 2024 - 2025, ngày 18/9/2024.

- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng Đội huyện Lâm Hà.

**-** Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập gồm 11 thành viên tại Quyết định số 81/QĐ-TT1, ngày 28/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Tân Thanh 1 V/v Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng năm học 2024 - 2025.

- Các hội đồng tư vấn gồm: Hội đồng chấm Sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; Hội đồng nâng lương; Ban kiểm tra nội bộ trường học; Ban chăm sóc sức khỏe học sinh; Tổ công tác thư viện.

**-** Các tổ: nhà trường thành lập 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; mỗi tổ chuyên môn có 07- 08 thành viên, tổ văn phòng có 03 thành viên; các tổ có tổ trưởng, tổ phó và các thành viên theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Năm học 2024 - 2025, nhà trường có 19 lớp/546 học sinh.

**8. Các văn bản khác của Trường**

- Kế hoạch số 20/KH-TT1 ngày 19/8/2019 của Trường Tiểu học Tân Thanh 1 về Kế hoạch Chiến lược phát triển trường tiểu học giai đoạn 2019 - 2023, tầm nhìn đến năm 2025.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-TT1 ngày 16/9/2024 của Trường Tiểu học Tân Thanh 1 về việc ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Nghị quyết của hội đồng trường.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Kế hoạch số /KH-TT1 ngày 02/10/2024 của Trường TH Tân Thanh 1 về Kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ Trường Tiểu học Tân Thanh 1 năm học 2024-2025.

- Quy chế chi tiêu nội bộ: ban hành kèm theo Quyết định số 224c/QĐ-TT1 ngày 17/07/2024 của Trường TH Tân Thanh 1 V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo**

Gồm 16 vị trí, trong đó vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02; vị trí việc làm nghề nghiệp chuyên ngành: 06; vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 06; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên vị trí việc làm** | **Mã vị trí việc làm** | | **Ngạch viên chức tương ứng** | **Số lượng biên chế và hợp đồng hiện có** | **Ghi chú** |
| **I** | **Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02** | | | | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | THTT1-LĐQL-01 | | V.07.03.28 | 01 |  |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | THTT1-LĐQL-02 | | V.07.03.28 | 01 |  |
| **II** | **Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 06** | | | | | | |
| 1 | GV tiểu học hạng I | THTT1-CMNV-01 | V.07.03.27 | | 0 |  |
| 2 | GV tiểu học hạng II | THTT1-CMNV-02 | V.07.03.28 | | 16 |  |
| 3 | GV tiểu học hạng III | THTT1-CMNV-03 | V.07.03.29  trở lên | | 14 |  |
| 4 | Giáo vụ | THTT1-CMNV-04 | V.07.03.29 | | 0 |  |
| 5 | Tư vấn học sinh | THTT1-CMNV-05 | V.07.03.29 trở lên | | 0 |  |
| 6 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | THTT1-CMNV-06 | V.07.03.29 trở lên | | 0 |  |
| **III** | **Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 06** | | | | | | |
| 1 | Y tế trường học | THTT1-CMDC-01 | | V.08.03.07 | 01 |  |
| 2 | Thư viện | THTT1-CMDC-02 | | V10.02.07 | 01 |  |
| 3 | Quản trị công sở (thiết bị) | THTT1-CMDC-03 | |  | Kiêm nhiệm |  |
| 4 | Văn thư | THTT1-CMDC-04 | | 02.007 | Kiêm nhiệm |  |
| 5 | Thủ quỹ | THTT1-CMDC-05 | | 06.035 | Kiêm nhiệm |  |
| 6 | Kế toán | THTT1-CMDC-06 | | 06.032 | 01 |  |
| **IV** | **Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 02** | | | | | | |
| 1 | Bảo vệ | THTT1-HTPV-01 | | 01.011 | 01 |  |
| 2 | Phục vụ | THTT1-HTPV-03 | | 01.009 | 0 |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  | |  | **36** |  |

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định**

**2.1. Số lượng, tỉ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cán bộ quản lý** | **Chưa đạt** | | **Đạt** | | **Khá** | | **Tốt** | |
| *Số lượng* | *Tỷ lệ (%)* | *Số lượng* | *Tỷ lệ (%)* | *Số lượng* | *Tỷ lệ (%)* | *Số lượng* | *Tỷ lệ (%)* |
| Hiệu trưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 100% | 0 | 0 |
| Phó hiệu trưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 100% | 0 | 0 |

**2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số giáo viên** | **Chưa đạt** | | **Đạt** | | **Khá** | | **Tốt** | |
| Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 18 | 60 | 12 | 40 |

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số CBQL, GV** | **Số tham gia BDTX** | | | | **Kết quả** | | **Ghi chú** | |
| **SL** | **TL** | **CBQL** | **GV** | **CBQL** |  | **Giáo viên** | |
| **Hoàn thành kế hoạch BDTX** | **Không hoàn thành kế hoạch BDTX** | **Hoàn thành kế hoạch BDTX** | **Không hoàn thành kế hoạch BDTX** |
| 32 | 32 | 100 | 2 | 30 | 2 | 0 | 30 | 0 |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Nội dung** | | | **Diện tích (m2)** | | **Bình quân** | | |
| **I. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định** | | | | | 12 650 | | 12 650/546 = 23,1 | | |
| **II. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định** | | | | | | | | | |
| **1** | | **Khối phòng hành chính quản trị** | | |  | |  | | |
| 1.1 | | Phòng hiệu trưởng | | | 36 | |  | | |
| 1.2 | | Phòng phó hiệu trưởng | | | 24 | |  | | |
| 1.3 | | Văn phòng | | | 0 | |  | | |
| 1.4 | | Phòng hội đồng | | | 48 | |  | | |
| 1.5 | | Phòng truyền thống | | | 0 | |  | | |
| 1.6 | | Phòng Y tế | | | 24 | |  | | |
| 1.7 | | Phòng hỗ trợ khuyết tật | | | 0 | |  | | |
| 1.8 | | Phòng Đoàn đội | | | 24 | |  | | |
| 1.9 | | Phòng thư viện (Phòng đọc cho học sinh+giáo viên) | | | 36 | |  | | |
| 1.10 | | Phòng Thiết bị | | | 0 | |  | | |
| **2** | | **Khối phòng học tập** | | |  | |  | | |
| 2.1 | | Phòng học kiên cố | | | 768/16 | | 768/441=1,7 | | |
| 2.2 | | Phòng học bán kiên cố | | | 108/3 | | 108/105 =1,0 | | |
| **3** | | **Khối phòng hỗ trợ học tập** | | |  | |  | | |
| 3.1 | | Phòng giáo dục âm nhạc (m2) | | | 48 | | 48/35 = 1,37 | | |
| 3.2 | | Phòng ngoại ngữ (m2) | | | 36 | | 36/35=1,0 | | |
| 3.3 | | Phòng học tin học (m2) | | | 48 | | 48/35 = 1,37 | | |
| **4** | | **Khu sân chơi, thể dục thể thao** | | |  | |  | | |
| 4.1 | | Sân chơi, bãi tập ngoài trời | | | 6.000 | | 6.000/546 = 10,9 | | |
| 4.2 | | Sân tập thể dục trong nhà + sân khấu | | | 0 | |  | | |
| **5** | | **Số thiết bị dạy học hiện có với yêu cầu tối thiểu theo quy định** | | | | | | | |
| **5.1** | | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định** | | |  | | Số bộ/lớp | | |
| 5.1.1 | | Khối lớp 1 | | | 4 | | 4/3 | | |
| 5.1.2 | | Khối lớp 2 | | | 4 | | 4/4 | | |
| 5.1.3 | | Khối lớp 3 | | | 0 | | 0/5 | | |
| 5.1.4 | | Khối lớp 4 | | | 0 | | 0/4 | | |
| 5.1.5 | | Khối lớp 5 | | | 0 | | 0/4 | | |
| **5.2** | | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định** | | | 13 | | Số bộ/lớp | | |
| 5.2.1 | | Khối lớp 1 | | | 0 | | 0 | | |
| 5.2.2 | | Khối lớp 2 | | | 0 | | 0 | | |
| 5.2.3 | | Khối lớp 3 | | | 4 | | 4/4 | | |
| 5.2.4 | | Khối lớp 4 | | | 4 | | 4/4 | | |
| 5.2.5 | | Khối lớp 5 | | | 4 | | 4/4 | | |
| **5.3** | | **Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ) | | | 56 | | 332/56 = 5,9 | | |
| **5.4** | | **Tổng số thiết bị dùng chung khác đang sử dụng** | | | 16 | |  | | |
| 5.4.1 | | Ti vi | | | 16 | |  | | |
| 5.4.2 | | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | | | 1 | |  | | |
| 5.4.3 | | Thiết bị khác: (Máy photo, máy scan) | | | 2 | |  | | |
| **6** | | **Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo** | | | | | | | |
| 6.1 | | Sách giáo khoa lớp 1 | | | 8 bộ/3 lớp | |  | | |
| 6.2 | | Sách giáo khoa lớp 2 | | | 8 bộ/4 lớp | |  | | |
| 6.3 | | Sách giáo khoa lớp 3 | | | 8 bộ/4 lớp | |  | | |
| 6.4 | | Sách giáo khoa lớp 4 | | | 8 bộ/4 lớp | |  | | |
| 6.5 | | Sách giáo khoa lớp 5 | | | 8 bộ/ 4 lớp | |  | | |
| **III** | **Nhà vệ sinh** | | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | | | Số m2/học sinh | |
|  | Chung | | Nam/Nữ | | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | | x |  | | x | |  | TC:  108/546=0,2 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* | |  |  | |  | |  |  |

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

**3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá**

Kết quả tự đánh giá của Trường Tiểu học Tân Thanh 1 đạt được như sau:

Mức 1:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 27/27, tỷ lệ 100%.

- Số lượng các tiêu chí không đạt: 0

Mức 2:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 27/27, tỷ lệ 100%.

- Số lượng các tiêu chí không đạt: 0

Mức 3:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 10/19, tỷ lệ 52%.

- Số lượng các tiêu chí không đạt: 9

Mức 4:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 1/5, tỷ lệ 20%.

- Số lượng các tiêu chí không đạt: 4/5, tỷ lệ 80%.

Đối chiếu với quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018, quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Tân Thanh 1 tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3; đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

**3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.**

Nhà trường tiếp tục kiện toàn Hội đồng tự đánh giá và xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng trên cơ sở phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu đã xác định trong Báo cáo tự đánh giá một cách cụ thể; cập nhật, thu thập, lưu trữ các minh chứng đầy đủ, chính xác, khoa học; củng cố các tiêu chuẩn; bổ sung Báo cáo tự đánh giá theo qui định.

Chú trọng xây dựng cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan đảm bảo trường lớp luôn xanh - sạch - đẹp và thân thiện.

Tiếp tục thực hiện công tác tham mưu, xin bố trí kinh phí nâng cấp sân, hệ thống thoát nước để hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm đáp ứng quy định của kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Hoàn thành hồ sơ, trình văn bản đề nghị Phòng GD&ĐT kiểm tra kỹ thuật (dự kiến trong tháng 12/2025).

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2023 – 2024**

( Có bảng chi tiết kèm theo)

**2. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường năm học 2024 - 2025.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số** | **Chia ra theo khối lớp** | | | | |
| **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** |
| **I** | **Kết quả tuyển sinh** | Kế hoạch được giao: 96; kết quả tuyển sinh: 98/96, tỉ lệ: 102% | | | | | |
| **II** | **Tổng số học sinh** | **546/19** | **98/3** | **123/4** | **110/4** | **106/4** | **109/4** |
| **III** | **Số học sinh học 2 buổi/ngày** | **546/19** | **98/3** | **123/4** | **110/4** | **106/4** | **109/4** |
| 1 | **Nữ** | **252/546** | 48/98 | 55/123 | 53/110 | 50/106 | 46/109 |
| 2 | **Dân tộc thiểu số** | **174/546** | 32/98 | 52/123 | 34/110 | 27/106 | 29/109 |
| 3 | **Học sinh khuyết tật** | **4/546** | 1/98 | 1/123 | 1/110 | 0 | 1/109 |
| 4 | **Học sinh chuyển đến** | **15/546** | 02/98 | 5/123 | 2/110 | 4/106 | 2/109 |
| 5 | **Học sinh chuyển đi** | **13/546** | 0/98 | 4/123 | 3/110 | 3/106 | 3/109 |

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

**1. Tình hình tài chính trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

*(Có thông báo duyệt quyết toán năm 2024 đính kèm)*

**2. Các khoản thu, mức thu đối với học sinh, năm học 2024 - 2025**

***2.1. Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường***

- Môn học tự chọn (tiếng Anh lớp 1, lớp 2): 225.000 đồng/năm.

***2.2. Dịch vụ phục vụ học sinh***

*Không thu*

***2.3. Vệ sinh sân trường, khu vực vệ sinh của học sinh******theo nhu cầu****:* 20.000 đồng/HS/tháng (180.000 đồng/HS/năm học)

***2.4. Nước uống cho học sinh:*** 7.000 đồng/HS/tháng (63.000 đồng/HS/năm học)

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

Trong năm học, nhà trường tập trung nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động giảng dạy của giáo viên dưới nhiều hình thức: Thực hiện tốt các chuyên đề: Đổi mới phương pháp dạy học; Sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu; Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; Dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình GDPT 2018,...

Thực hiện tốt các phong trào thao giảng, hội thi GV chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường; tham gia thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện đạt hiệu quả cao. Tổ chức tốt các phong trào chuyên môn khác giúp GV được nâng cao tay nghề, phương pháp giảng dạy mới nhằm đáp ứng được yêu cầu của chương trình.

Các hoạt động văn hóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, thể dục thể thao và các hoạt động phong trào bề nổi khác được tổ chức với nội dung phong phú và trở thành các hoạt động thường xuyên, có tác dụng giáo dục tốt với học sinh. Trong năm học, nhà trường tổ chức các hoạt động trong học sinh như: Thi văn nghệ, thi Viết chữ đẹp, thi Bóng đá, bơi, điền kinh, …; tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm trong nhà trường:Hoạt động trải nghiệm Tháng 12/2023 với Chủ đề: “*Noi gương anh bộ đội cụ Hồ”*; Hoạt động trải nghiệm Tháng 02/2024 với chủ đề *“Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới”*

Nhà trường tổ chức có hiệu quả hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường: tổ chức cho học sinh tham quan dã ngoại tại Đà Lạt thu hút đông đảo học sinh tham gia. Tổ chức cho học sinh tham gia đầy đủ các hội thi, cuộc thi do ngành và địa phương tổ chức và đều đạt kết quả cao.

**Bảng thống kê một số tiêu chí**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Năm học 2023 - 2024** |
| Tổng số học sinh | 552 |
| Học sinh Hoàn thành chương trình lớp học | 549/552 (đạt 99,5%) |
| Học sinh được đánh giá về Năng lực mức Đạt trở lên | 549/552 (đạt 99,5%) |
| Học sinh được đánh giá về Phẩm chất mức Đạt trở lên | 549/552 (đạt 99,5%) |
| Học sinh được khen thưởng | 226/552 (đạt 50,0%) |
| Học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học | 106/106 (đạt 100%) |
| Học sinh đạt giải các Hội thi | **Cấp huyện:**  - Cờ Vua: 01 HCĐ  - Giải Bơi: 01 HCB  - Trạng Nguyên Tiếng Việt: 01 Nhất; 04 Nhì; 4 Ba; 3 giải KK  - Thi tiếng Anh (IOE): 01 Ba; 03 giải KK  **Cấp tỉnh:**  - Trạng Nguyên Tiếng Việt: 03 Nhì; 02 Ba; 3 KK  - Thi tiếng Anh (IOE): 01 Ba; 02 giải KK; |
| Giáo viên CN giỏi cấp huyện | 06 |
| Chiến sĩ thi đua cơ sở | 06 |
| Lao động tiên tiến | 32 |

Công tác tôn tạo cảnh quan trường lớp như chăm sóc bồn hoa, cây cảnh luôn được nhà trường quan tâm; 100% lớp học có cây xanh, trang trí lớp học đẹp; công tác vệ sinh trường lớp luôn đảm bảo sạch sẽ.

Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lâm Đồngthi đua thựchiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025 do tỉnh phát động đã được nhà trường nghiêm túc triển khai tới toàn thể CBQL, GV, NV trong các buổi sinh hoạt chung của toàn trường. Qua đó đã góp phần quan trọng giúp viên chức và người lao động ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về những nội dung cơ bản của văn hóa công sở. Đưa việc thực hiện văn hóa công sở thành công việc tự giác, thường xuyên của mỗi thầy cô giáo với thái độ làm việc, giao tiếp ứng xử, đạo đức lối sống chuẩn mực. Kết quả, nhà trường đạt cơ quan văn hóa; 100% VC, NLĐ nhà trường được công nhận gia đình văn hóa.

*Việc tham gia phong trào thi đua của khối:*

Thực hiện Công văn số 365/CV-GD ngày 23/4/2024 của Phòng GDĐT Lâm Hà V/v trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lý cụm thi đua cuối năm học 2023 - 2024, nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục, trong thực hiện các phong trào, các đợt thi đua trong năm học. Tổ chức tự kiểm tra các tiêu chuẩn thi đua và giao lưu học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong 11 trường từ 09 đến 17/5/2024.

Nhà trường thường xuyên tham gia các phong trào thi đua của khối các trường tiểu học một cách tích cực và có hiệu quả, có nhiều đóng góp vào thành tích chung của toàn ngành giáo giáo dục huyện.

Cuối năm học (ngày 17/5/2024), cụm thi đua khối tiểu học đã họp đánh giá, bình xét thi đua giữa các trường một cách công khai, dân chủ.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - Cổng thông tin điện tử trường;  - Bộ phận công khai;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Ngọc Nam** |